

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI
TÂY NINH



Tháng 3 năm 2005

BẢN ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI TÂY NINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12/6/1999.

- Căn cứ Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/6/2002 của Chính phủ. “Về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần”.

- Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-CT ngày 09/4/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. “Về việc triển khai công tác cổ phần hóa Xí nghiệp Gạch ngói Tây Ninh”.

- Căn cứ Quyết định số 4827/QĐ-CT ngày 02/12/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. “Về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Gạch ngói Tây Ninh”.

- Căn cứ Quyết định số: /QĐ-CT ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh. “Về việc chuyển Xí nghiệp Gạch ngói Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh”

Từ hình thức doanh nghiệp nhà nước, Xí nghiệp Gạch ngói Tây Ninh chuyển thành Công ty cổ phần, Bản Điều lệ này được thành lập với những sáng lập viên của Công ty là nhóm cổ đông Xí nghiệp Gạch ngói Tây Ninh đang nắm giữ% cổ phần phổ thông được chào bán. Bản Điều lệ này là một phần của hồ sơ đăng ký kinh doanh như luật định về việc thành lập Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh. (Sau đây gọi tắt là Công ty).

Khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thì Bản Điều lệ này trở thành bản cam kết của tất cả cổ đông về việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của Công ty. Cổ đông nói ở đây là những người có tên trong sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty và bao gồm những ai khác chấp nhận góp vốn vào Công ty kể cả về sau theo những quy định của Bản Điều lệ này. Chúng tôi xin tuyên bố rằng: Chúng tôi biết và hiểu rõ luật pháp Nhà nước, điều chỉnh quan hệ pháp lý giữa chúng tôi và Công ty mà chúng tôi lập nên cũng như những quyền, nghĩa vụ và các hoạt động của nó. Chúng tôi cam kết nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp và sẽ yêu cầu những người mà sau này là : Cổ đông, người quản lý Công ty, nhân viên, đại diện người được uỷ quyền, người được chuyển nhượng của Công ty cùng chấp hành luật pháp như chúng tôi, và tất cả đều chấp nhận những hình thức xử lý vi phạm theo luật định.

Bản Điều lệ gồm 05 Chương và 53 Điều, được các nhà liên quan thông qua từng điều trước khi ký và ghi vào hồ sơ. Các điều khoản của Bản Điều lệ gồm :

CHƯƠNG I

TÊN GỌI, TRỤ SỞ, MỤC TIÊU VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH.

Điều 1 : Tên Công ty :

-Tên của Công ty là: CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI TÂY NINH.

-Tên giao dịch đối ngoại: TAYNINH BRICKS TILES JOINT-STOCK COMPANY.

-Tên viết tắt : TANIBRIC.

-Tên của Công ty và tên giao dịch đối ngoại có giá trị ngang nhau đối với Công ty khi chúng được sử dụng.

Điều 2: Địa chỉ và nguyên tắc hoạt động:

-Trụ sở chính của Công ty đặt tại : Km 26. Quốc lộ 22B, ấp Long Bình, xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

-Điện thoại số : 066.827528 - 840817- 841538.

-Số Fax :Email :

Địa chỉ này là địa chỉ pháp lý để Công ty giao dịch và nhận các loại thư từ.

Công ty hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản và quan hệ tín dụng tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, Công ty hoạt động kinh doanh theo pháp luật hiện hành.

Điều 3: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động:

1. Lĩnh vực kinh doanh của công ty:

-Sản xuất kinh doanh gạch ngói nung và không nung.

-Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng.

-Kinh doanh vận tải hàng hóa.

-Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

-Kinh doanh dịch vụ du lịch.

2. Mục tiêu kinh doanh là huy động vốn và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất trong quá trình tổ chức hoạt động kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục đích là thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển công ty.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

-Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bản điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của công ty.

-Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và HĐQT xét thấy có lợi nhất cho công ty.

Điều 4 : Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm, hoặc cho đến khi nào có quyết định giải thể theo điều 50 của Bản Điều lệ này.

**CHƯƠNG II
VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG.****Điều 5 : Vốn điều lệ :**

1. Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông tự nguyện tham gia đóng góp bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ hoặc hiện vật hợp pháp của mình. Toàn bộ được hạch toán theo đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là : 6.198.900.000 đồng (Sáu tỷ, một trăm chín mươi tám triệu, chín trăm ngàn đồng). Thực hiện theo Nghị định số 187/CP của Chính phủ số vốn này sẽ được chia thành 619.890 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam ở dạng cổ phần do cổ đông góp vốn 100%.

3. Vốn góp tối thiểu để Công ty bắt đầu kinh doanh:

Các cổ đông sáng lập và cổ đông góp vốn cam kết góp vốn khi Công ty được thành lập và khi vốn góp đạt đến 51% số vốn điều lệ sẽ là vốn tối thiểu để Công ty bắt đầu đi vào hoạt động.

Sau khi có giấy phép kinh doanh thì Công ty cùng với những cổ đông góp vốn có liên quan sẽ hoàn tất những thủ tục chuyển quyền sở hữu các tài sản có đăng ký, quyền tiếp tục thuê đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc lập biên bản bàn giao có nội dung như qui định của pháp luật.

Điều 6 : Tăng, giảm vốn điều lệ :


1. Vốn điều lệ của Công ty có thể được điều chỉnh theo tình hình từng thời kỳ hoạt động của Công ty để đáp ứng nhu cầu kinh doanh và bảo đảm quyền lợi của các cổ đông.

2. Việc tăng hay giảm vốn điều lệ phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và tiến hành theo luật định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị (HDQT) thực hiện bằng một quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và phải công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 7 : Cổ đông :

1. Tổng quát:

Cổ đông của Công ty là những cá nhân hay pháp nhân góp vốn vào Công ty theo các điều khoản của Bản Điều lệ này.

 Pháp nhân là cổ đông sẽ được đại diện bởi một cá nhân có thẩm quyền và danh tính cá nhân này được pháp nhân ^{quyết định} liên quan, tùy theo từng lúc nếu có thay đổi sẽ được thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị.

2. Cổ đông sáng lập:

Cổ đông sáng lập Công ty là những cổ đông đã được thông qua điều lệ lần đầu và chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên. (Kèm theo danh sách cổ đông sáng lập).

3. Các cổ đông khác:

Các cổ đông khác được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi vào sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty.

Các cổ đông được mua cổ phần ưu đãi giảm giá và cổ phần ưu đãi trả chậm thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Nghị định 64/2002/ND -CP của Chính phủ.

Điều 8 : Quyền và nghĩa vụ cổ đông nói chung:

Tùy thuộc vào cổ phiếu hay cổ phần nắm giữ và được quy định khác đi trong Bản điều lệ này, các cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau :

1. Quyền lợi :

- a. Được nhận cổ tức hoặc chịu lỗ tương ứng với phần vốn đóng góp theo quy định của ĐHCĐ.
- b. Được ưu tiên mua cổ phần mới do Công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
- c. Được mua bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ công ty và phù hợp với pháp luật.
- d. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của ĐHCĐ trong một số trường hợp quy định ở Bản Điều lệ này.
- e. Được thông báo tóm tắt nội dung báo cáo tài chính.
- f. Được tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ; cứ mỗi cổ phần vốn điều lệ có một phiếu biểu quyết.
- g. Khi Công ty giải thể, được nhận lại một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông loại khác (nếu có).
- h. Chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- i. Các quyền lợi khác như ghi trong Bản Điều lệ này.

2. Nghĩa vụ :

- a. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- b. Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- c. Chấp hành quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.

Điều 9: Quyền của cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng (trừ Đại hội lần đầu) có thêm những quyền sau đây, ngoài các quyền cổ đông nói chung đã ghi ở Điều 8 của Bản Điều lệ này:

-Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

-Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ khi thấy HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý ghi tại Điều 41 của Bản Điều lệ này, hay khi ra quyết định vượt quá thẩm quyền như được quy định tại Điều 35 của Bản Điều lệ này.

-Xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

-Các quyền lợi khác được quy định theo Luật Doanh nghiệp và trong Bản Điều lệ này.

2. Khi các cổ đông ít vốn hành động như là một nhóm sở hữu trên số cổ phần như đã nêu tại khoản 1 điều 9 của Bản Điều lệ này, thì tất cả những người trong nhóm sẽ cử một đại diện và thông báo cho Chủ tịch HĐQT bằng văn bản.

Điều 10 : Sổ đăng ký cổ đông :

1. Công ty sẽ lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ này có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Nội dung của sổ đăng ký cổ đông gồm có các chi tiết sau :

-Tên và trụ sở của Công ty.

-Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

-Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

-Tên và địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông sẽ được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông.

Điều 11 : Nguyên tắc chung về cổ phiếu :

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành để chứng nhận có nắm cổ phần trong Công ty. Mỗi cổ phần là số tiền nhỏ nhất có giá trị ngang nhau mà cổ đông đóng góp vào Công ty, dựa trên cơ sở đó để cổ đông hưởng quyền lợi và chịu trách nhiệm. Mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng. Tuy nhiên, giá trị thị trường có thể khác với giá này. Một cổ phiếu có thể chứng nhận cho một hay nhiều cổ phần và có mệnh giá bằng tổng trị giá số cổ phần mà nó chứng nhận.

2. Theo quy định tại Bản Điều lệ này, cổ phiếu sẽ có nhiều loại với những mệnh giá khác nhau. Loại cổ phiếu nào được lập sẽ dựa trên nhu cầu sử dụng vốn của Công ty và theo điều kiện thị trường tài chính mà HĐQT tính toán và kiến nghị

lên ĐHCĐ. Việc sử dụng cổ phiếu nào để chào bán vào một thời kỳ nào cũng sẽ quyết định theo qui trình vừa nêu.

Các cổ phiếu cùng một loại sẽ có mệnh giá như nhau khi phát hành, dù các loại cổ phiếu có khác nhau về mệnh giá nhưng nền tảng ấn định của chúng vẫn căn cứ vào giá trị của mỗi cổ phần. Người sở hữu cổ phần hay cổ phiếu cùng loại sẽ có những quyền hạn và nghĩa vụ như nhau trong loại ấy.

3. Mệnh giá và các điều kiện cụ thể cho cổ phiếu các loại sẽ do HĐQT xem xét và quyết định, sau khi được ĐHCĐ chấp thuận kế hoạch huy động và sử dụng vốn.

4. ĐHCĐ quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần chào bán từng loại cũng như người được quyền mua các loại cổ phần ưu đãi cùng việc chuyển đổi các cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông. HĐQT quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Tuy nhiên, nếu do nhu cầu sử dụng vốn của Công ty, do tình hình thị trường tài chính và HĐQT đề nghị. Đại hội đồng cổ đông có thể trao toàn quyền đã nêu ở trên của ĐHCĐ cho HĐQT bằng một quyết định của ĐHCĐ.

5. Cổ phiếu của Công ty sẽ được ghi các nội dung sau đây :

- Tên và trụ sở Công ty.
- Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
- Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu.
- Tên cổ đông (đối với cổ phiếu có ghi tên).
- Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- Chữ ký mẫu của Chủ tịch HĐQT và dấu của Công ty.
- Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu dành cho cổ đông sáng lập, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, cổ phần ưu đãi giảm giá và trả chậm cho người nghèo trong Công ty là cổ phiếu ghi danh.

Điều 12 : Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông :

1. Cổ đông phổ thông có quyền:

- a. Tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông ghi tại Bản Điều lệ này.
- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
- d. Khi Công ty giải thể được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác (nếu có).

e. Các quyền khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Bản Điều lệ này.

2. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông:

a. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

b. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

c. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

d. Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định theo Luật Doanh nghiệp và Bản Điều lệ này.

Điều 13: Chào bán cổ phần :

1. Việc chào bán cổ phần được thực hiện trong hai trường hợp:

a. Thời gian đầu sau khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chưa chào bán cho công chúng.

Cổ phần được bán theo sự cam kết với cổ đông, khi bán như thế không cần phải cấp cổ phiếu mà chỉ ghi tên các cổ đông vào sổ đăng ký cổ đông được lập và giữ tại Công ty là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông ấy. Tuy nhiên, sau khi cổ đông đã thanh toán đủ cho số cổ phần đăng ký mua, Công ty sẽ cấp cổ phiếu nếu cổ đông yêu cầu. Cổ phiếu loại này cũng được tự do chuyển nhượng khi Công ty phát hành chứng khoán trên thị trường.

b. Trường hợp huy động vốn của công chúng bằng cách phát hành ra thị trường chứng khoán.

Việc chào bán sẽ được thực hiện theo đúng pháp luật về chứng khoán.

2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định và công bố giá chào bán cổ phần trong cả hai trường hợp trên, nhưng giá ấy không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán lần đầu theo điểm a khoản 1 Điều này.

b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ % của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.

Điều 14 : Cấp cổ phiếu - cổ phiếu bị rách, hư hay mất:

Sau khi cổ đông thanh toán đủ giá trị số cổ phần đã đăng ký mua, Công ty sẽ cấp cổ phiếu cho cổ đông. Nội dung của cổ phiếu thực hiện đầy đủ theo quy định tại khoản 5 Điều 11 của Bản Điều lệ này, và Thông tư số 86/2003/TT-BTC ngày 11/9/2003 "Về việc Hướng dẫn mẫu tờ cổ phiếu và sổ chứng nhận cổ đông trong các Công ty Cổ phần".

Trong trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu khác. Tuy nhiên cổ đông phải trả chi phí theo quy định của Công ty.

Điều 15 : Chuyển nhượng cổ phần :

1. Các loại cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, với điều kiện là sau khi được chuyển nhượng Công ty sẽ ghi đúng và đủ các chi tiết về tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông và ngày đăng ký cổ phần vào sổ đăng ký cổ đông. Việc ghi này là đủ để chứng thực quyền sở hữu của người được chuyển nhượng trong Công ty. Việc nhận cổ tức trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần sẽ được thực hiện theo Điều 48 của Bản Điều lệ này.

2. Trong ba năm đầu, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu không được ít hơn 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Cổ phần của cổ đông sáng lập và thành viên HĐQT khi chuyển cho người không phải là cổ đông của Công ty thì phải được sự chấp thuận của ĐHCĐ. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Cổ đông sở hữu cổ phần bán ưu đãi giảm giá và trả chậm cho người nghèo trong công ty chỉ được chuyển nhượng khi đã thanh toán xong phần trả chậm, và đã được chuyển đổi thành cổ phiếu không ghi danh.

3. Sau thời hạn ba năm quy định tại khoản 2 của Điều này, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập và HĐQT đều bãi bỏ.

Điều 16 : Việc định giá và đóng góp mua cổ phần :

1. Việc định giá tài sản lần đầu đã được Hội đồng Xác định giá trị doanh nghiệp tỉnh đánh giá. Những lần đánh giá tài sản về sau để góp vốn (nếu có) sẽ do HĐQT thực hiện. HĐQT cử ra một thành viên định giá tài sản thực hiện phải trung thực và chính xác. Nếu giá trị tài sản góp vốn được đánh giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn và thành viên định giá liên đới chịu trách nhiệm bồi thường khoản chênh lệch đó cho người bị thiệt hại.

2. Cổ phần có thể mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, và các tài sản khác sẽ được thanh toán đủ một lần cho mỗi cổ phần hay cổ phiếu đã mua, chứ không phải là tất cả số cổ phần hay cổ phiếu sở hữu, chỉ áp dụng trong thời gian trước khi Công ty phát hành chứng khoán trên thị trường. HĐQT có thể quyết định việc thanh toán cổ phần theo các cách khác sao cho có lợi nhất cho Công ty và phù hợp với pháp luật.

Điều 17 : Cổ phần mua lại theo yêu cầu của cổ đông :

1. Tùy thuộc vào Điều 19 của Bản Điều lệ này, cổ đông nào đã biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Bản Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề đã nêu ở trên. Họ cũng có thể bán cổ phần đó trên thị trường chứng khoán mà không đòi Công ty phải mua lại.

2. Công ty sẽ mua lại số cổ phần nêu trên theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá, thì các bên có quyền yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 18 : Cổ phần mua lại theo quyết định của Công ty :

Tùy theo tình hình tài chính và sử dụng vốn, Công ty sẽ mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo các quy định sau đây :

1. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán do Đại hội đồng cổ đông quyết định . Trong trường hợp mua lại ít hơn tỷ lệ trên sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

4. Việc mua lại cổ phần nêu trên phải hội đủ các điều kiện quy định tại Điều 19 của Bản Điều lệ này.

Điều 19 : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

1. Khi Công ty mua lại cổ phần của cổ đông theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Bản Điều lệ này, Công ty chỉ thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Tức là tổng giá trị tài sản ghi trên bảng cân đối kế toán của Công ty lớn hơn tổng số nợ và các nghĩa vụ tài sản khác phải trả. Trường hợp không bảo đảm điều kiện này thì việc thanh toán sẽ được thực

hiện theo quyết định của HĐQT, nếu những điều kiện thanh toán do HĐQT đưa ra không được chấp nhận thì việc mua bán sẽ bị hủy bỏ.

2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Bản Điều lệ này, được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán, và sau này khi được bán lại, giá bán của nó không bị ràng buộc theo quy định tại Điều 13 của Bản Điều lệ này .

3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Giám đốc Công ty phải thông báo điều đó bằng văn bản cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn (15) mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 20: Thừa kế cổ phần:

1. Công ty công nhận những thừa kế hợp pháp có quyền thừa kế một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất là cổ đông của Công ty. Những người thừa kế có trách nhiệm cử một người đại diện thừa kế, công ty làm việc với người đại diện thừa kế đó.

2. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế cổ đông của Công ty.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký là sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Trường hợp thừa kế cổ phần theo hình thức trả dần thì người thừa kế được hưởng cổ phần này, đồng thời chịu trách nhiệm trả hết số tiền còn lại cho Công ty cổ phần.

Điều 21 : Trái phiếu :

Tuỳ theo nhu cầu sử dụng vốn của Công ty và tình hình thị trường tài chính. Công ty sẽ phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác đúng theo quy định của pháp luật. HĐQT sẽ quyết định loại trái phiếu, các điều kiện của trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 22 : Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty :

Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 23 : Đại diện theo pháp luật của Công ty :

Đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch HĐQT.

Điều 24 : Đại hội đồng cổ đông :

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây :

a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

b. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

c. Quyết định các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

d. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.

f. Quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

g. Quyết định các vấn đề có liên quan đến quyền lợi và đời sống của người lao động trong Công ty.

h. Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty.

i. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

j. Thông qua định hướng phát triển của Công ty

k. Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

l. Quyết định sửa đổi bổ sung Bản Điều lệ này trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Bản Điều lệ này.

m. Chấp thuận cho ký kết các hợp đồng kinh tế và dân sự có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty với các thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông nắm trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ. Cổ đông hoặc cổ đông có người có liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết.

n. Nếu do tình hình thị trường mà Công ty phải có những biện pháp thích ứng kịp thời, để thực hiện HĐQT cần phải có những quyết định nằm trong phạm vi của các quyền và nghĩa vụ ĐHĐCĐ, thì ĐHĐCĐ sẽ uỷ quyền cho HĐQT thay mặt mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ đó bằng một quyết định, với điều kiện là quyết định đó được 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Việc uỷ quyền có thời hạn và sau mỗi lần thực hiện HĐQT phải báo cáo sự việc lên ĐHĐCĐ gần nhất diễn ra sau lần thực hiện đó.

o. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định theo Luật Doanh nghiệp và tại Bản Điều lệ này.

Điều 25: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông :

1. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Hình thức họp có thể là họp chung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp trong những trường hợp sau đây :

a. Theo quyết định của HĐQT.

b. Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9 của Bản Điều lệ này hoặc của Ban kiểm soát đề ra trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 41 của Bản Điều lệ này, hay khi HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 2 của Điều này.

Trường hợp nếu HĐQT không triệu tập họp thì Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu đã nêu trên, có quyền xin Tòa án buộc HĐQT triệu tập hoặc tự đứng ra triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông đúng theo luật định.

Toàn bộ chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại không phân biệt cách thức triệu tập.

4. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định ở Bản Điều lệ này.

5. Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản HĐQT sẽ làm như sau:

a. Quyết định vấn đề cần lấy ý kiến.

b. Lập phiếu ý kiến có các nội dung sau: Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, mục đích lấy ý kiến và ghi đầu đề các tài liệu tương ứng gửi kèm, thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu về Công ty, phương án biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí” và “không có ý kiến”.

c. Gửi phiếu ý kiến và các tài liệu đính kèm đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu.

e. Thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả các cổ đông đã gửi phiếu trước kia trong vòng 15 ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông phải gửi ý kiến như đã nêu trên.

f. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông chấp thuận. Những vấn đề đòi hỏi phải có sự biểu quyết của ít nhất 65% cổ đông dự họp như quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bản Điều lệ này, thì không được lấy ý kiến bằng phiếu biểu quyết.

Điều 26 : Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải ghi họ và tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân, tên trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Điều 9 của Bản Điều lệ này, được quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp.

5. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp.

Điều 27 : Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông :

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông ít vốn quy định tại Điều 9 của Bản Điều lệ này, có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hay HĐQT chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây :

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đã được đưa ra và gửi cho các cổ đông, chỉ được thay đổi khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi cuộc họp bắt đầu.

Điều 28 : Mời họp Đại hội đồng cổ đông :

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 7 (bảy) ngày trước ngày khai mạc. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.

Điều 29 : Việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông :

1. Cổ đông có thể trực tiếp dự họp hoặc ủy quyền cho người khác bằng văn bản dự họp thay cho mình. Giấy ủy quyền phải ghi đầy đủ họ và tên người ủy quyền và người được ủy quyền, có ngày ký ủy quyền cụ thể, thời gian ủy quyền và giấy này được gửi về người đứng ra triệu tập họp trước thời gian đại hội. Mỗi cổ đông đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ.

2. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã được chuyển nhượng.

Điều 30 : Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông :

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đích thân dự họp và qua ủy quyền đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự kiến khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 30% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 31 : Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông :

Thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ và hình thức biểu quyết sẽ do chủ tọa phiên họp tuyên bố khi cuộc họp bắt đầu và phải được Đại hội đồng cổ đông thống nhất.

Chủ tọa phiên họp ĐHĐCĐ là Chủ tịch HĐQT. Nếu vì lý do gì mà Chủ tịch HĐQT không đảm nhiệm công việc thì Phó Chủ tịch HĐQT thay thế.

Điều 32 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông :

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản :

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

a. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Bản điều lệ của Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty, bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận mọi vấn đề. Trừ những vấn đề nêu tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận. Những vấn đề đòi hỏi phải có sự biểu quyết của ít nhất 65% cổ đông dự họp như quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, thì không được lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 33 : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông :

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau :

- a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- b. Chương trình làm việc.
- c. Chủ tọa và thư ký phiên họp.
- d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại cuộc họp.
- e. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống, và số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.
- f. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
- h. Họ và tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 34 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông :

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên HĐQT, Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây :

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Bản Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật, hay vi phạm quy định của Bản Điều lệ này.

Điều 35 : Hội đồng quản trị :

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được uỷ quyền.

2. HĐQT gồm có 05 thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 03 (ba) năm. Thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, số thành viên HĐQT có thể tăng hoặc giảm do Đại hội đồng cổ đông quyết định, nhưng nếu tăng cũng không vượt quá 11 người.

3. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại, việc thay thế HĐQT theo nguyên tắc kế thừa, bảo đảm trong HĐQT mới có ít nhất 1/3 số thành viên cũ. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế cho đến hết nhiệm kỳ đó.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT:

Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
- b. Có năng lực quản lý và kinh doanh. Chủ tịch HĐQT phải có trình độ quản lý kinh tế và kinh nghiệm quản lý, điều hành ít nhất là (3) ba năm.
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
- d. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- e. Là cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần từ 10% vốn điều lệ trở lên.

5. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
- b. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong kinh doanh.
- c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- d. Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- e. Quyết định mua lại không qua 10% cổ phần đã bán của từng loại.
- f. Quyết định phương án đầu tư.
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 30% và nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại thời điểm ký.
- h. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- i. Quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- j. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- k. Kiến nghị tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
- l. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

m. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty. Quyết định mức lương và lợi ích khác của cán bộ quản lý đó.

n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

o. Duyệt chương trình nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

p. Chấp thuận cho ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty với các thành viên của HĐQT, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông nắm trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ. Thành viên HĐQT hoặc thành viên nào có người có liên quan là bên ký hợp đồng không được biểu quyết.

q. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác có liên quan đến các nhiệm vụ trên hay các việc được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền theo khoản 2 Điều 24 của Bản Điều lệ này.

Điều 36 : Chủ tịch Hội đồng quản trị :

1. HĐQT bầu ra Chủ tịch và Phó Chủ tịch trong số thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây :

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.

c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT dưới hình thức theo Điều 37 của Bản Điều lệ này.

d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

f. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến nhiệm vụ trên, hoặc theo đề nghị của Ban kiểm soát được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 của Bản Điều lệ này.

g. Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 10% và nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Phó chủ tịch HĐQT sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch HĐQT được thay mặt HĐQT để ký ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp lý của Công ty.

Điều 37 : Hoạt động của Hội đồng quản trị :

1. Sau ĐHCĐ thành lập, HĐQT có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban Giám đốc cũ và Ban Đổi mới doanh nghiệp. HĐQT mới triển khai, hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc đó.

2. Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập cuộc họp HĐQT :

a. Các phiên họp thường lệ phải được tổ chức ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể tổ chức họp bất thường.

b. Theo đề nghị của Ban kiểm soát, của 3 thành viên HĐQT đương nhiệm, hoặc của Giám đốc Công ty.

3. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên tham dự. Đối với các phiên họp thường lệ và các phiên họp bất thường Chủ tịch HĐQT hoặc người thay thế sẽ gửi thông báo cho các thành viên ít nhất là trước (7) bảy ngày khi họp (có thể thông báo bằng nhiều cách miễn là các thành viên chấp nhận). Nếu cuộc họp lần thứ nhất không đủ thành viên nói ở trên, thì Chủ tịch HĐQT hoặc người thay thế Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập họp lần thứ hai theo cách thức tương tự. Số thành viên cho phiên họp này chỉ cần quá bán là đủ.

4. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được quá bán số thành viên tham dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hay người Chủ tọa phiên họp.

5. Cuộc họp HĐQT sẽ được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và có các nội dung sau đây :

- Thời gian và địa điểm họp.
- Tên thành viên dự họp.
- Chương trình họp.
- Người Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.
- Các vấn đề thảo luận, biểu quyết và kết quả biểu quyết.
- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại phiên họp.
- Các quyết định được thông qua.
- Chữ ký có ghi rõ họ và tên các thành viên dự họp. Chủ tọa và Thư ký sẽ liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

Các cuộc họp HĐQT với thành phần tham dự và quyết định như quy định tại khoản 3 Điều này. Chủ tịch HĐQT sẽ cử người lập biên bản. HĐQT cũng có thể thông qua quyết định bằng biểu quyết, hay lấy ý kiến bằng văn bản có tất cả các thành viên quyết định.

Điều 38 : Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu và giải thích về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Khi được yêu cầu, các cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

Điều 39 : Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT :

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :

a. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b. Từ chức.

c. Bỏ hợp HĐQT không lý do (2) hai lần liên tiếp.

2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá (1/3) một phần ba so với số quy định tại khoản 2 Điều 35 của Bản Điều lệ này, thì HĐQT sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT. Trong thời gian chờ đợi số thành viên còn lại tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, họp hành và quyết định dựa trên số thành viên còn lại.

4. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 40 : Giám đốc Công ty :

1. Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Giám đốc không nhất thiết là cổ đông của Công ty và có thể là thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

b. Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

d. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

f. Quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình.

g. Quyết định các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Bản Điều lệ này và các quyết định của HĐQT.

Điều 41 : Nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý Công ty :

Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty là người quản lý Công ty. Trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình họ có các nghĩa vụ sau đây :

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận.

3. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Giám đốc phải thực hiện:

a. Thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ và cổ đông biết, thông báo phải bằng văn bản trong vòng (7) bảy ngày sau khi có xác định của HĐQT.

b. Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.

c. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và điểm b khoản này.

d. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

4. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Điều 42 : Ban kiểm soát :

1. Tổ chức :

a. Ban kiểm soát của Công ty gồm có 03 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Ban kiểm soát bầu 01 (một) người làm Trưởng ban, người này phải là cổ đông. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của HĐQT.

b. Chế độ làm việc và thù lao của Ban kiểm soát do Trưởng ban đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây :

a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết

hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông ít vốn quy định Điều 9 của Bản Điều lệ này.

c. Đề nghị các biện pháp xử lý thích hợp cho Chủ tịch HĐQT thực hiện sau khi kiểm tra hay thẩm định mà thấy những vi phạm hay dấu hiệu vi phạm khiến gây thiệt hại cho Công ty.

d. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ trường hợp nêu ở điểm c khoản 2 của Điều này.

e. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

f. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g. Việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ đã nêu trên vào lúc nào sẽ do Trưởng ban quyết định hay khi có yêu cầu của HĐQT hoặc hai người trong số thành viên của Ban kiểm soát.

h. Trưởng ban kiểm soát được quyền tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

i. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Bản Điều lệ này.

3. Các giới hạn của Ban kiểm soát:

a. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thi hành nhiệm vụ.

b. Việc kiểm tra theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, và không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 43 : Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát :

HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu cũng như những giải thích về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 44 : Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát :

1. Thành viên HĐQT, Giám đốc, người có liên quan của thành viên HĐQT, Giám đốc, kế toán trưởng của Công ty . Người có liên quan được hiểu theo định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp.

2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án trước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45 : Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức khác :

Các tổ chức: Đảng cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên CSHCM và các đoàn thể khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

Điều 46 : Năm tài chính của Công ty :

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 mỗi năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ năm đầu sau khi thành lập và năm kết thúc thì năm tài chính bắt đầu vào ngày hoạt động hay chấm dứt vào ngày có quyết định giải thể.

Điều 47 : Chế độ lưu giữ hồ sơ - Việc kiểm toán và công khai thông tin:

Công ty sẽ áp dụng chế độ lưu giữ hồ sơ, kiểm toán các báo cáo tài chính cũng như việc công khai thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 48 : Phân chia lợi nhuận, trả cổ tức và chuyển lỗ :

1. Công ty sẽ trả cổ tức cho cổ đông theo loại cổ phần họ nắm và theo quy định dành cho mỗi loại cổ phần ấy như trong quy định ở Chương II của Bản Điều lệ này. Công ty cũng có thể trả cổ tức bằng các hình thức khác theo kiến nghị của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Căn cứ vào kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Ban kiểm soát hoặc kiểm toán độc lập, Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác cũng như bù đắp các khoản chi phí hợp lệ mà không được tính vào giá thành, đồng thời trích lập các quỹ theo quy định tại Bản Điều lệ này, và khi trả hết số cổ tức đã định Công ty phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trả. Sự bảo đảm thanh toán này được hiểu là :

- Công ty không có nợ quá hạn, không có các nghĩa vụ tài sản khác đã quá hạn mà chưa thanh toán.

- Công ty không dùng vốn vay mới, kể cả đảo nợ để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Mức trích lập các quỹ như sau :

a. Trích lập quỹ dự phòng : 05% cho đến khi có số dư bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

b. Trích lập quỹ tích lũy tái đầu tư .

c. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi .

d. Cổ tức phân chia cho các cổ đông theo số cổ phần sở hữu.

Tại các điểm b, c và d tỉ lệ trích sẽ do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Quy định sử dụng các quỹ của Công ty :

a. Quỹ dự phòng : Dùng để bù đắp các khoản rủi ro không thu hồi được vốn hoặc các trường hợp tổn thất bất khả kháng gây thua lỗ cho Công ty.

b. Quỹ tích lũy tái đầu tư : Dùng để đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất.

c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi : Dùng để khen thưởng cán bộ công nhân viên thuộc Công ty quản lý, hoặc những cá nhân, tổ chức ngoài Công ty có góp phần vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời sử dụng vào các phúc lợi tập thể, xã hội khác.

3. Nếu Công ty có những dự án mới có khả năng sinh lợi làm gia tăng giá cả chứng khoán của Công ty, thì theo kiến nghị của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty sẽ không chia cổ tức cho cổ đông.

4. HĐQT sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi đến các cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

Những cổ tức nếu chưa được cổ đông đến nhận sau 1 (một) năm kể từ ngày thông báo chi trả, HĐQT có thể tạm thời sử dụng vào các hoạt động kinh doanh vì lợi ích của Công ty cho đến khi được nhận (không tính lãi).

Nếu sau 2 (hai) năm kể từ ngày chi trả và sau khi có cáo thị ghi rõ tên, số cổ tức của cổ đông được công bố trên ít nhất 1 nhật báo tiếng Việt xuất bản tại Việt Nam, liên tiếp 03 số chưa có cổ đông đến nhận, thì toàn bộ cổ tức không được nhận lãnh sẽ sung vào quỹ dự phòng của Công ty.

5. Cổ tức được phân chia cho các cổ đông theo tỉ lệ góp vốn. Thời hạn 01 năm / một lần và tối đa sau 45 ngày khi kết thúc năm tài chính.

6. Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

7. Năm nào kinh doanh bị lỗ, thì Công ty sẽ chuyển số lỗ sang năm sau để được trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV. GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

Điều 49 : Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ :

Các tranh chấp nội bộ trong Công ty gồm có việc cổ đông với tư cách cá nhân bị thiệt hại vì những việc làm hay không làm của Công ty khiến quyền lợi của họ bị thiệt hại, hay khi họ thấy những người quản lý có dấu hiệu lừa đảo trong việc mua bán cổ phiếu, không mẫn cán, trung thực trong việc quản lý và điều hành trong Công ty, hoặc vi phạm vào những nghĩa vụ của người quản lý nêu tại Điều 41 của Bản Điều lệ này.

Khi có một trong những trường hợp trên xảy ra, cổ đông sẽ nêu sự việc cho Ban kiểm soát và yêu cầu Ban kiểm soát xem xét, đặt vấn đề với HĐQT để xác minh, xem xét và trả lời.

Sau 30 ngày kể từ ngày khiếu nại với Ban kiểm soát mà thấy sự việc không được giải quyết thỏa đáng với mình, cổ đông có thể đem nội vụ ra Tòa án kinh tế giải quyết. Khi khởi kiện như thế, Chủ tịch HĐQT sẽ đại diện thay mặt cho Công ty hay HĐQT nhận giấy triệu tập của Tòa án, còn cá nhân nào bị khởi kiện thì người ấy nhận giấy triệu tập.

Cổ đông có thể xin Tòa án buộc Công ty hay người vi phạm có liên quan bồi thường cho cá nhân mình, hoặc bồi thường cho Công ty.

Các cổ đông có thể kết hợp nhau lại thành một tập thể và khởi kiện Công ty hay người quản lý về những việc trên. Trong trường hợp thắng hoặc thua kiện thì án phí sẽ thi hành theo luật định của Tòa án.

Điều 50 : Các trường hợp giải thể và phá sản :

Công ty sẽ giải thể trong các trường hợp sau :

1. Khi kết thúc thời hạn hoạt động kinh doanh đã ghi tại Điều 04 của Bản Điều lệ này, mà Công ty không xin gia hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Khi trong vòng 6 tháng liên tục Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu là 3 người.
4. Khi Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
5. Công ty tuyên bố phá sản theo quy định của luật phá sản doanh nghiệp.

Điều 51 : Trình tự giải thể và thủ tục thanh lý :

1. Việc giải thể Công ty trong trường hợp bình thường thì HĐQT thực hiện các bước sau đây :

a. HĐQT sẽ họp bàn bạc và đề ra phương án giải thể chú trọng đến các vấn đề như thời gian, thủ tục thanh lý hợp đồng, thanh toán các khoản nợ của Công ty, phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động, thành lập tổ thanh lý

tài sản đúng theo quy định hiện tại của pháp luật và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để ra quyết định giải thể.

b. Hội Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét và góp ý kiến về phương án giải thể, lập quyết định giải thể và thông qua quyết định giải thể bằng biểu quyết ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, Công ty ngưng mọi hoạt động kinh doanh, việc điều hành Công ty sẽ do tổ chức thanh lý phụ trách với nhiệm vụ chính là thực hiện phương án giải thể.

c. Công bố: Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, Công ty phải gửi quyết định đó đến cơ quan đăng ký kinh doanh, các chủ nợ, các người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong Công ty. Quyết định này được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và đăng báo địa phương hoặc báo hàng ngày Trung ương trong (3) ba số báo liên tiếp.

Riêng đối với các chủ nợ, quyết định gửi đi sẽ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ trong đó có nêu số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d. Thanh lý tài sản và thanh toán các khoản nợ của Công ty:

Sau khi thông qua quyết định giải thể, HĐQT lập ngay tổ thanh lý gồm 5 người, trong đó có Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và 3 thành viên là cổ đông của Công ty hoặc là người từ bên ngoài. Trong tổ phải có ít nhất 1 (một) kế toán viên có kinh nghiệm. Giám đốc và Kế toán trưởng không được làm tổ trưởng tổ thanh lý.

Thời gian thực hiện phương án giải thể không quá (6) sáu tháng kể từ ngày tổ thanh lý được thành lập. Sau khi thanh toán hết nợ của Công ty, tổ thanh lý sẽ gửi hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục xóa tên Công ty trong sổ đăng ký kinh doanh.

e. Có thể những văn bản dưới luật hướng dẫn về việc thanh lý, giải thể. Thủ tục thanh lý, giải thể được dựa theo pháp luật hiện hành.

2. Việc giải thể Công ty trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký kinh doanh, trình tự và thủ tục giải thể cũng thực hiện các bước như trên và phải thực hiện trong vòng không quá 6 (sáu) tháng.

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52 : Thể thức sửa đổi, bổ sung Bản Điều lệ :

Khi muốn sửa đổi, bổ sung Bản Điều lệ này, HĐQT sẽ thông qua ĐHĐCĐ quyết định. Nội dung Điều lệ sẽ được sửa đổi, bổ sung phải được ít nhất 65% số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc ít nhất 51% số phiếu biểu quyết chấp thuận nếu lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 53 : Điều khoản thực hiện :

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập đã ký tên vào Bản Điều lệ này sẽ thực hiện các việc sau đây :

1. Công ty sẽ thực hiện các thủ tục công bố việc thành lập Công ty theo luật định.

2. Đối với các hợp đồng đã ký kết trước khi thành lập Công ty, thì Giám đốc Công ty sẽ tiếp nhận quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng đó. Các chi phí phát sinh sẽ được tính vào chi phí của Công ty.

3. Bản Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản có giá trị như nhau, trong đó:

-01 bản được nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước tỉnh Tây Ninh.

-05 bản được đăng ký tại các cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh Tây Ninh.

-04 bản lưu tại Văn phòng của Công ty.

Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty mới có giá trị.

Tất cả các cổ đông sáng lập có tên dưới đây đã đọc lại và ký tên vào ngày 25 tháng 3 năm 2005 tại văn phòng Công ty cổ phần Gạch ngói Tây Ninh./-

*****  *****

CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP :

1/ Văn Tấn Hiền	ký tên
2/ Châu Văn Thuận	ký tên
3/ Lê Văn Liêm	ký tên
4/ Trần Thế Huyền	ký tên
5/ Lê Hùng Dũng	ký tên
6/ Dương Văn Thạnh	ký tên

MỤC LỤC

Bản Điều lệ gồm : 05 Chương và 53 Điều.

Chương I : Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và ngành nghề kinh doanh.

Điều 1 : Tên Công ty.....	trang 02
Điều 2 : Địa chỉ và nguyên tắc hoạt động	trang 02
Điều 3 : Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh.....	trang 02
Điều 4 : Thời hạn hoạt động	trang 02

Chương II : Vốn điều lệ - cổ phần - cổ phiếu - cổ đông.

Điều 5 : Vốn điều lệ.....	trang 02
Điều 6 : Tăng, giảm vốn điều lệ.	trang 03
Điều 7 : Cổ đông.	trang 03
Điều 8 : Quyền và nghĩa vụ cổ đông nói chung.	trang 04
Điều 9 : Quyền của cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên.	trang 04
Điều 10 : Sổ đăng ký cổ đông.....	trang 05
Điều 11 : Nguyên tắc chung về cổ phiếu.....	trang 05
Điều 12 : Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	trang 06
Điều 13 : Chào bán cổ phần.....	trang 07
Điều 14 : Cấp cổ phiếu - cổ phiếu bị rách, hư hay mất.....	trang 07
Điều 15 : Chuyển nhượng cổ phần.....	trang 07
Điều 16 : Việc định giá và đóng góp mua cổ phần	trang 08
Điều 17 : Cổ phần mua lại theo yêu cầu của cổ đông.....	trang 08
Điều 18 : Cổ phần mua lại theo quyết định của Công ty	trang 09
Điều 19 : Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	trang 09
Điều 20 : Thừa kế cổ phần.....	trang 10
Điều 21 : Trái phiếu.	trang 10

Chương III : Tổ chức và quản lý.

Điều 22 : Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty	trang 10
Điều 23 : Đại diện theo pháp luật của Công ty	trang 10
Điều 24 : Đại hội đồng cổ đông	trang 10
Điều 25 : Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	trang 11
Điều 26 : Danh sách cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông.	trang 12
Điều 27 : Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	trang 13
Điều 28 : Mời họp Đại hội đồng cổ đông.	trang 13
Điều 29 : Việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	trang 13
Điều 30 : Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	trang 14

Điều 31 : Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.	trang 14
Điều 32 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	trang 14
Điều 33 : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.	trang 15
Điều 34 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	trang 15
Điều 35 : Hội đồng quản trị.....	trang 15
Điều 36 : Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	trang 17
Điều 37 : Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	trang 17
Điều 38 : Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT.....	trang 18
Điều 39 : Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT.....	trang 18
Điều 40 : Giám đốc Công ty.....	trang 19
Điều 41 : Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.	trang 19
Điều 42 : Ban kiểm soát.....	trang 20
Điều 43 : Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát.	trang 21
Điều 44 : Những người không được làm thành viên ban kiểm soát.	trang 21
Điều 45 : Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức khác	trang 21
Điều 46 : Năm tài chính của Công ty.....	trang 22
Điều 47 : Chế độ lưu giữ hồ sơ - Việc kiểm toán và công khai thông tin.	trang 22
Điều 48 : Phân chia lợi nhuận, trả cổ tức và chuyển lỗ.....	trang 22

Chương IV : Giải thể, thanh lý, tranh tụng.

Điều 49 : Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.....	trang 23
Điều 50 : Các trường hợp giải thể và phá sản	trang 24
Điều 51 : Trình tự giải thể và thủ tục thanh lý.	trang 24

Chương V : Điều khoản thi hành.

Điều 52 : Thể thức sửa đổi, bổ sung Bản Điều lệ.....	trang 25
Điều 53 : Điều khoản thực hiện.....	trang 25
